

NGHỊ QUYẾT
Phê duyệt Phương hướng tuyển sinh năm 2026
của Trường Đại học Kiên Giang

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 18 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 3878/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang nhiệm kỳ 2024-2029;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Tờ trình số 63/TTr-ĐHKG ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc đề nghị phê duyệt phương hướng tuyển sinh năm 2026;

Căn cứ Báo cáo số 11/BC- BĐTKHHT ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ban Đào tạo – NCKH - Hợp tác thẩm định Phương hướng tuyển sinh năm 2026 của Trường Đại học Kiên Giang;

Theo ý kiến thống nhất của thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang nhiệm kỳ 2024-2029 tại kỳ họp lần thứ bảy, ngày 12 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về đối tượng, phạm vi tuyển sinh; loại hình đào tạo; phương thức tuyển sinh năm 2026 của Trường Đại học Kiên Giang.



2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác tuyển sinh do Trường Đại học Kiên Giang cấp bằng, không áp dụng đối với công tác tuyển sinh liên kết do cơ sở đào tạo khác cấp bằng.

Điều 2. Mục tiêu, nội dung và phương thức thực hiện

1. Mục tiêu

Nhằm đáp ứng yêu cầu tăng quy mô tuyển sinh theo chiến lược phát triển của Nhà trường và hiện thực hóa sứ mệnh của Trường là góp phần quan trọng làm tăng cơ hội việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh An Giang, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

2. Nội dung

- Thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh đảm bảo hoạt động tuyển sinh đạt hiệu quả và thành công;
- Xây dựng Đề án tuyển sinh theo quy định hiện hành;
- Xây dựng Kế hoạch tổng thể công tác tuyển sinh năm 2026 theo tình hình mới;
- Xây dựng Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh năm 2026 theo mọi hình thức như: Tuyển sinh trực tiếp, trực tuyến, đối tượng tiếp cận tuyển sinh...;
- Mở ngành đào tạo mới trong năm 2026 theo Kế hoạch;
- Công tác ký kết hợp đồng hợp tác tuyển sinh với các trường THPT, các cơ sở đào tạo tương đương để thúc đẩy hiệu quả tuyển sinh;
- Công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh của Nhà trường.

3. Phương thức thực hiện

3.1. *Chỉ tiêu, ngành tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển và phương thức xét tuyển*

- Chỉ tiêu tuyển sinh đại học:
 - + Hệ chính quy: 2.230 chỉ tiêu;
 - + Hệ Vừa làm vừa học không quá 20% chỉ tiêu chính quy;
 - + Đào tạo từ xa: 700 chỉ tiêu.
- Ngành tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển và phương thức xét tuyển tương ứng các hệ đào tạo (**chi tiết xem Phụ lục đính kèm**).

3.2. *Hình thức tuyển sinh*

- Tuyển sinh đại học chính quy đại trà;
- Tuyển sinh đại học vừa làm vừa học;

- Tuyển sinh liên thông đại học;
- Tuyển sinh đại học từ xa.

3.3. Phương thức tuyển sinh năm 2026: Xét tuyển.

TT	Tên phương thức tuyển sinh	Mã Phương thức	Đối tượng
1	Xét kết quả học tập THPT (điểm trung bình cả năm lớp 12 theo tổ hợp môn của Trường công bố) (PT1)	200	Tất cả các hình thức tuyển sinh
2	Xét kết quả kỳ thi TN THPT năm 2026 (theo tổ hợp môn của Trường công bố) (PT2)	100	
3	Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Đề án (PT3)	303	
4	Xét kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh năm 2026 (PT4)	402	
5	Xét điểm thi V-SAT năm 2026 của các cơ sở đào tạo phối hợp với Bộ GD&ĐT tổ chức (PT5)	404	Tất cả các hình thức tuyển sinh không bao gồm các ngành Sư phạm
6	Xét kết quả học tập Trung cấp, Cao đẳng, Đại học		Không bao gồm tuyển sinh đại học chính quy

3.4. Phương thức triển khai thực hiện

a) Về địa bàn tuyển sinh

- Đối với tuyển sinh đại học chính quy, duy trì số lượng nhập học trong tỉnh An Giang đạt khoảng 85% trở lên; tập trung nguồn lực đẩy mạnh tuyển sinh tại các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trong đó tập trung nguồn lực đẩy mạnh tuyển sinh toàn tỉnh Cà Mau và Cần Thơ với mục tiêu đạt trên 10% chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy; các tỉnh còn lại ưu tiên chọn các trường có học sinh đang học tại Trường Đại học Kiên Giang để đến tư vấn với mục tiêu đạt 5% chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy;

- Đối với tuyển sinh hệ vừa làm vừa học và từ xa, tiếp tục duy trì hợp tác tuyển sinh với các đối tác hiện có, đồng thời mở rộng hợp tác và liên kết đào tạo với các đối tác ngoài tỉnh;

b) Về cách thức tiếp cận

- Đối tượng tiếp cận: Đối với các trường THPT, tiếp cận Ban Giám hiệu, Cán bộ phụ trách công tác tuyển sinh, giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh;

- Thời gian tiếp cận: Tiếp cận các trường THPT ngoài tỉnh sớm hơn trong tỉnh An Giang và bắt đầu triển khai từ tháng 01/2026;

- Phương thức tiếp cận:

+ Duy trì phương thức tiếp cận truyền thống trực tiếp thông qua tư vấn tuyển sinh trên lớp, dưới cờ, hội nghị tuyển sinh, tư vấn trên báo đài, trải nghiệm Trường Đại học Kiên Giang để chủ động truyền đạt thông tin tuyển sinh đến học sinh lớp 12;

+ Phát huy tối đa phương thức tiếp cận hiện đại tiếp cận trực tuyến thông qua mạng internet: Thông tin tuyển sinh trên trang web tuyển sinh, Facebook và Zalo của Trường; kết nối với trang web của trường THPT; tư vấn trực tuyến qua Fanpage, Facebook, tạo nhóm Zalo các ngành, gọi điện thoại, gửi mail, xây dựng các đoạn video clip giới thiệu các ngành đào tạo và phương thức xét tuyển của Trường gửi cho các trường THPT làm tư liệu dạy định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Ứng dụng phần mềm “Contract Pod” vào hỗ trợ công tác tuyển sinh trực tuyến;

+ Các phương thức tiếp cận mang tính chuyên sâu như thành lập các đội, nhóm, câu lạc bộ hỗ trợ các trường THPT, tăng cường giao lưu công đoàn với cán bộ, giáo viên trường THPT, giao lưu đoàn thanh niên với học sinh các trường THPT.

c) Giải pháp thực hiện: Thực hiện bằng 02 hình thức là trực tiếp và trực tuyến

Đối với hệ chính quy:

- Triển khai hiệu quả chính sách thu hút người học đến các Trường THPT, THCS&THPT trong và ngoài tỉnh để tạo sức hút các học sinh có thành tích cao trong học tập và nghiên cứu khoa học;

- Tiếp tục triển khai chính sách dùng người học thu hút người học trong công tác tuyển sinh;

- Mở rộng vùng tuyển sinh ở các tỉnh lân cận thông qua việc phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và thiết thực với các Trường THPT ngoài tỉnh trong công tác tuyển sinh;

- Tiếp tục duy trì quảng bá tuyển sinh như:

+ Tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp năm 2026 tại một số điểm trường trong và ngoài tỉnh An Giang và các tỉnh khác do Báo đài tổ chức;

+ Tiếp tục tặng học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại các trường THPT;

+ Tổ chức Hội nghị tuyển sinh tại các tỉnh An Giang, Hậu Giang (cũ) và Cà Mau;

+ Liên kết Website với các Trường THPT để đặt logo và link đăng ký xét tuyển của Trường ĐHKG;

+ Tổ chức các Cuộc thi tại trường THPT nhằm quảng bá ngành đào tạo, phục vụ công tác tuyển sinh như Tiếng anh, Tin học, khoa học kỹ thuật,...;

+ Thành lập và vận hành nhóm hỗ trợ Khoa học kỹ thuật cho một số Trường THPT, kết hợp tư vấn tuyển sinh cho giáo viên;

+ Tư vấn tâm lý học đường;

- + Tổ chức sự kiện hoạt động trải nghiệm cho Học sinh THPT;
- + Tham gia tư vấn trên đài truyền hình;
- + Cập nhật và hoàn thiện Cẩm nang tuyển sinh.

Đối với hệ vừa làm vừa học và đào tạo từ xa:

- Triển khai marketing số (Digital Marketing) chuyên nghiệp: Chạy quảng cáo đa nền tảng: Facebook – Google – Zalo – TikTok (Tích hợp form đăng ký nhanh + nút chat Zalo ngay lập tức, tự động phân loại nhóm nhu cầu của người học)
- Ứng dụng CRM để quản lý: Tự động gửi tin nhắn, email, Zalo cho người quan tâm. Theo dõi hành trình (xem tin → đăng ký → tư vấn → nộp hồ sơ).
- Xây dựng Mạng lưới trạm ĐTTX, đơn vị liên kết hoạt động (không chỉ ký kết, mà phải giao chỉ tiêu – tập huấn – công cụ). Trung tâm hỗ trợ truyền thông, trạm hỗ trợ tiếp cận địa phương.
- Đơn giản hóa tối đa hồ sơ và quy trình xét tuyển: Đăng ký online 100%. Nộp hồ sơ bản mềm; kiểm tra bản gốc khi nhập học.
- Xây dựng chính sách học phí – học bổng – ưu đãi như: giảm học phí khi đăng ký sớm, đăng ký theo nhóm (3-5 người); chính sách hỗ trợ trạm ĐTTX theo số lượng người học thực tế.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Hội đồng trường giao Hiệu trưởng triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết, tổ chức xây dựng Thông tin tuyển sinh năm 2026 theo Nghị quyết và đúng quy định của pháp luật có liên quan.
2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Các nội dung liên quan trước đây trái với nội dung Nghị quyết này đều bị bãi bỏ. /

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Đảng uỷ;
- Hiệu trưởng (HT), Phó HT;
- Các đơn vị, cá nhân có liên quan;
- Lưu: VPT, HĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Thọ



10/10/1960

Chợ gạo và các loại hàng khác

10/10/1960

Chợ gạo và các loại hàng khác

Chợ gạo và các loại hàng khác

Chợ gạo và các loại hàng khác

Chợ gạo và các loại hàng khác

Chợ gạo và các loại hàng khác

Chợ gạo và các loại hàng khác

Chợ gạo và các loại hàng khác

Chợ gạo và các loại hàng khác

Chợ gạo và các loại hàng khác

Chợ gạo và các loại hàng khác

Chợ gạo và các loại hàng khác

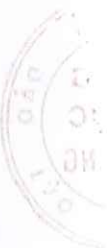
Chợ gạo và các loại hàng khác

Chợ gạo và các loại hàng khác

Chợ gạo và các loại hàng khác

Chợ gạo và các loại hàng khác

Chợ gạo và các loại hàng khác



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

DANH MỤC NGÀNH TUYỂN SINH VÀ TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN

Hệ: Chính quy

(Kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang)

Stt	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển
1	7140209	Sư phạm Toán học	A00, A01, A08 (X17), A09 (X21), D01, D09
2	7140202	Giáo dục tiểu học	A00, A01, A09 (X21), C03, C14 (X01), D01
3	7140201	Giáo dục Mầm non	A00, A01, A09 (X21), C03, C14 (X01), D01
4	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01, D09, D11, D14, D15, D66 (X78)
5	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	A00, A01, A02, B00, D07, D08
6	7340301	Kế toán	A00, A01, A08 (X17), A09 (X21), D01, D09
7	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, A08 (X17), A09 (X21), D01, D09
8	7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00, A01, A08 (X17), A09 (X21), D01, D09
9	7340120	Kinh doanh quốc tế	A00, A01, A08 (X17), A09 (X21), D01, D09
10	7340122	Thương mại điện tử	A00, A01, A08 (X17), A09 (X21), D01, D09
11	7380101	Luật	C00, C03, C04, C19 (X70), C20 (X74), D01
12	7420201	Công nghệ sinh học	B00, B01, B03, B04 (X13), B08, C08
13	7480201	Công nghệ thông tin	A00, A01, A08 (X17), A09 (X21), D01, D09
14	7480107	Trí tuệ nhân tạo	A00, A01, A08 (X17), A09 (X21), D01, D09
15	7580302	Quản lý xây dựng	A00, A01, A08 (X17), A09 (X21), D01, D09
16	7510103	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	A00, A01, A08 (X17), A09 (X21), D01, D09
17	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A00, A07, A09 (X21), C03, C04, D01
18	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00, A01, A08 (X17), A09 (X21), D01, D09

Stt	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển
19	7520216	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	A00, A01, A08 (X17), A09 (X21), D01, D09
20	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00, A02, B00, B01, B03, D07
21	7620301	Nuôi trồng thủy sản	A02, B00, B01, B03, B04, B08
22	7620110	Khoa học cây trồng	A02, B00, B03, B04 (X13), C08, C13
23	7620105	Chăn nuôi	A02, B00, B01, B03, B08, C13
24	7640101	Thú ý	A02, B00, B01, B03, B08, C13
25	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01, D09, D11, D14, D15, D66 (X78)
26	7220101	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	C00, C03, C14 (X01), C19 (X70), C20 (X74), D01
27	7320104	Truyền thông đa phương tiện	A00, A01, C00, C14 (X01), C20 (X74), D01)
28	7810101	Du lịch	C00, C03, C04, C14 (X01), C20 (X74), D01
29	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	A01, C00, C03, D01, D10, D15, X78
30	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A09 (X21), C00, C04, C20 (X74), D01, D15

*** Quy ước tổ hợp môn**

A	B	C	D
A00: Toán, Lí, Hóa	B00: Toán, Hóa, Sinh	C00: Ngữ, Lịch, Địa	D01: Văn, Toán, Anh
A01: Toán, Lí, Anh	B01: Toán, Sinh, Sử	C03: Văn, Toán, Sử	D07: Toán, Hóa, Anh
A02: Toán, Lí, Sinh	B03: Toán, Văn, Sinh	C04: Văn, Toán, Địa	D08: Toán, Sinh, Anh
A06: Toán, Hóa, Địa	B04: Toán, Sinh, GDCD	C05: Văn, Lí, Hóa	D09: Toán, Sử, Anh
A07: Toán, Sử, Địa	X13: Toán, Sinh, GDKTPL	C13: Văn, Sinh, Địa	D10: Toán, Địa, Anh
A08: Toán, Sử, GDCD	B08: Toán, Sinh, Anh	C14: Văn, Toán, GDCD	D11: Văn, Lí, Anh
X17: Toán, Sử, GDKTPL		X01: Văn, Toán, GDKTPL	D14: Văn, Sử, Anh
A09: Toán, Địa, GDCD		C19: Văn, Sử, GDCD	D15: Văn, Lí, Anh
X21: Toán, Địa, GDKTPL		X70: Văn, Sử, GDKTPL	D66: Văn, GDCD, Anh
		C20: Văn, Địa, GDCD	X78: Văn, GDKTPL, Anh
		X74: Văn, Địa, GDKTPL	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

DANH MỤC NGÀNH TUYỂN SINH VÀ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

Hệ: Vừa làm vừa học và Đào tạo từ xa

(Kèm theo Nghị quyết số 13 /NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang)

1. Ngành tuyển sinh

Stt	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Đối tượng dự tuyển
1.	7140209	Sư phạm Toán học	THPT; liên thông TC, CĐ, ĐH
2.	7140202	Giáo dục tiểu học	THPT; liên thông TC, CĐ, ĐH
3.	7140201	Giáo dục Mầm non	THPT; liên thông TC, CĐ
4.	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	THPT; liên thông TC, CĐ
5.	7340301	Kế toán	THPT; liên thông TC, CĐ, ĐH
6.	7380101	Luật	THPT; liên thông TC, CĐ, ĐH
7.	7480201	Công nghệ thông tin	THPT; liên thông TC, CĐ, ĐH
8.	7510103	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	THPT; liên thông TC, CĐ, ĐH
9.	7620301	Nuôi trồng thủy sản	THPT; liên thông TC, CĐ, ĐH
10.	7640101	Thú ý	THPT; liên thông TC, CĐ
11.	7220201	Ngôn ngữ Anh	THPT; liên thông TC, CĐ, ĐH

2. Phương thức xét tuyển

- Phương thức xét tuyển Đại học hệ Vừa làm vừa học và Đào tạo từ xa:

Phương thức 1: Xét kết quả học tập THPT (điểm trung bình cả năm lớp 12 theo tổ hợp môn của Trường công bố)

Phương thức 2: Xét kết quả kỳ thi TN THPT năm 2026 (theo tổ hợp môn của Trường công bố).

Phương thức 3: Xét kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh năm 2026.

Phương thức 4: Xét điểm thi V-SAT năm 2026 của các cơ sở đào tạo phối hợp với Bộ GD&ĐT tổ chức (Riêng đối với các ngành Sư phạm không áp dụng Phương thức này để xét tuyển).

- Phương thức xét tuyển liên thông và Đào tạo từ xa:

Phương thức 1: Xét kết quả học tập THPT (điểm trung bình cả năm lớp 12 theo tổ hợp môn của Trường công bố).

Phương thức 2: Xét kết quả học tập Trung cấp, Cao đẳng, Đại học.



THE UNIVERSITY OF TORONTO LIBRARIES
130 St. George Street, Toronto, Ontario
M5S 1A5

THE UNIVERSITY OF TORONTO LIBRARIES
130 St. George Street, Toronto, Ontario
M5S 1A5

THE UNIVERSITY OF TORONTO LIBRARIES
130 St. George Street, Toronto, Ontario
M5S 1A5

THE UNIVERSITY OF TORONTO LIBRARIES
130 St. George Street, Toronto, Ontario
M5S 1A5

THE UNIVERSITY OF TORONTO LIBRARIES
130 St. George Street, Toronto, Ontario
M5S 1A5

THE UNIVERSITY OF TORONTO LIBRARIES
130 St. George Street, Toronto, Ontario
M5S 1A5

THE UNIVERSITY OF TORONTO LIBRARIES
130 St. George Street, Toronto, Ontario
M5S 1A5

THE UNIVERSITY OF TORONTO LIBRARIES
130 St. George Street, Toronto, Ontario
M5S 1A5

THE UNIVERSITY OF TORONTO LIBRARIES
130 St. George Street, Toronto, Ontario
M5S 1A5

THE UNIVERSITY OF TORONTO LIBRARIES
130 St. George Street, Toronto, Ontario
M5S 1A5

THE UNIVERSITY OF TORONTO LIBRARIES
130 St. George Street, Toronto, Ontario
M5S 1A5

THE UNIVERSITY OF TORONTO LIBRARIES
130 St. George Street, Toronto, Ontario
M5S 1A5

THE UNIVERSITY OF TORONTO LIBRARIES
130 St. George Street, Toronto, Ontario
M5S 1A5

THE UNIVERSITY OF TORONTO LIBRARIES
130 St. George Street, Toronto, Ontario
M5S 1A5